TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2023
"V/v Ly hôn giữa anh M và chị D"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Lê Văn M**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Chị Lê Thị Mỵ D**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Lê Văn M trình bày như sau:

Anh Lê Văn M (gọi tắt anh M) và chị Lê Thị Mỵ D (gọi tắt chị D) chung sống với nhau vào năm 2015 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/12/2016 theo quy định.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung về nơi chung sống của vợ chồng, trong khi chị D muốn vợ chồng sống ở gia đình bên vợ thì anh M lại muốn sống bên nhà cha mẹ ruột từ đó vợ chồng thường xảy ra cự cãi. Sau khi vợ chồng không thỏa thuận được nơi sống chung thì chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sống từ khoảng 02 năm nay, mặc dù anh M đã nhiều lần năn nỉ nhưng chị D không chịu về sống chung với chồng vì vậy hôn nhân vợ chồng không có hạnh phúc và không thể tiếp diễn. Nay anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có một con chung tên Lê Văn Đ, sinh ngày 21/6/2017, khi ly hôn anh M xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh M có ý kiến giao con chung cho chị D nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với chị D đã có cuộc sống ổn định nên không muốn làm xao trộn cuốc sống của con. Về cấp dưỡng nuôi con anh M có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh M xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn chị Lê Thị Mỵ D vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn M.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy căn cước công dân (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn chị Lê Thị Mỵ D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Minh được ly hôn với chị D; về con chung giao cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 21/6/2017 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Mỵ D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Anh M yêu cầu ly hôn với chị D và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Anh M và chị D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh M, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của anh M và chị D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung về nơi chung sống của vợ chồng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân khoảng 02 năm, mỗi người đều đã tự tạo cho mình một cuộc sống riêng không còn dành sự quan tâm cho nhau và mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án anh M đều xin được ly hôn trong khi chị D không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh M, cho anh được ly hôn với chị D**.**

Về con chung: Anh M và chị D có một người con chung cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 21/6/2017, từ khi anh chị ly thân con chung cháu Lê Văn Đ sống với chị D có cuộc sống ổn định hiện tại chị D có thu nhập để nuôi dưỡng con, do đó Hội đồng xét

xử thống nhất giao cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 21/6/2017 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh M là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn M.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn M và chị Lê Thị Mỵ D.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 21/6/2017 cho chị Lê Thị Mỵ D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê Văn M có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003659 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Lê Văn M đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu, HS, VP.